

**Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST**  
**Ngày: 04/11/2020**  
**V/v: “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quang.

2. Ông Lê Ngọc Thơm.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/10/2020, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1983.

\* **Bị đơn:** Ông Dương Hồng T, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: Thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

(Bà H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Lê Thị Minh H có nội dung như sau:

Bà và ông Dương Hồng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 27/6/2008.

Sau khi kết hôn vợ chồng bà dọn về sinh sống tại thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (tại nhà riêng của vợ chồng bà). Quá trình sinh sống tại đây thì vợ chồng bà đôi khi có cãi nhau qua lại, nhưng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Đến khoảng năm 2016 vợ chồng bà dọn về khu phố 4, phường Bình Hưng, thành phố P.T, tỉnh Bình Thuận sinh sống, vào khoảng tháng 11/2019, sau khi vợ chồng lời qua tiếng lại (nguyên do là ông T chơi ma túy đá, gái gú) thì ông T đánh bà, từ đó giữa ông bà mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn khởi kiện để yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 04 người con chung tên (1) Dương Hồng D, sinh ngày 02/8/2003, giới tính nữ, (2) Dương Hồng T, sinh ngày 17/9/2008, giới tính nam, (3) Dương Thị Hồng N, sinh ngày 19/4/2010, giới tính nữ và (4) Dương Hồng Y, sinh ngày 04/12/2015, giới tính nữ. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 04 người con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Theo lời trình bày tại Tòa của bị đơn ông Dương Hồng T có nội dung như sau:**

Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và con chung. Quá trình chung sống vợ chồng ông không có mâu thuẫn, theo ông được biết là bà H có quan hệ trai gái với người khác nên làm đơn khởi kiện ly hôn ông. Sau kết hôn thì vợ chồng ông sống ở thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, đến khoảng năm 2016 vợ chồng ông dọn về khu phố 4, phường Bình Hưng, thành phố P.T, tỉnh Bình Thuận sinh sống đến vào khoảng tháng 11/2019, sau khi vợ chồng lời qua tiếng lại (nguyên do bà H nói ông chơi ma túy đá, gái gú nhưng thực chất là ông không có), ông có dùng tay đánh 01 hoặc 02 cái thì bà H bỏ đi từ đó cho đến nay. Hiện ông đã dọn về thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L sinh sống. Nay bà H khởi kiện ly hôn thì ông không đồng ý, nguyên do là ông vẫn còn tình cảm với bà H, hơn nữa các con còn nhỏ, ông vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ để yêu thương nhau, nuôi dạy con cái.

Trường hợp, bà H cương quyết ly hôn và Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H thì ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 04 người con, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Minh H là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H; Về con chung: Giao 02 người con chung tên Dương Thị Hồng N, sinh ngày 19/4/2010 và Dương Hồng Y, sinh ngày 04/12/2015 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Giao người con chung tên Dương Hồng D, sinh ngày 02/8/2003 và Dương Hồng T, sinh ngày 17/9/2008 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; Không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:** Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Minh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Dương Hồng T vắng mặt không lý do; Riêng nguyên đơn bà Lê Thị Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

**3.1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Minh H và ông Dương Hồng T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, ngày 27/6/2008, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án nhiều lần khuyên can nhưng bà H vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông T vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Về phía bị đơn ông Dương Hồng T không đồng ý ly hôn, nguyên do là ông vẫn còn tình cảm với bà H, hơn nữa các con còn nhỏ, ông vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ để yêu thương nhau, nuôi dạy con cái. Tuy

nhân, tại phiên hòa giải và 02 lần được triệu tập tham gia phiên tòa ông T đều vắng mặt không lý do, qua đó cho thấy ông T bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà H, ông T thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau. Hơn nữa ông T cũng thừa nhận là khi vợ chồng lời qua tiếng lại thì ông có dùng tay đánh bà H 01 hoặc 02 cái. Như vậy, ông Dương Hồng T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đó là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3.2. Về con chung:** Vợ chồng bà H, ông T có 04 người con chung tên (1) Dương Hồng D, sinh ngày 02/8/2003, giới tính nữ, (2) Dương Hồng T, sinh ngày 17/9/2008, giới tính nam, (3) Dương Thị Hồng N, sinh ngày 19/4/2010, giới tính nữ và (4) Dương Hồng Y, sinh ngày 04/12/2015, giới tính nữ. Khi ly hôn, giữa bà H và ông T thì ai cũng có yêu cầu được nuôi 04 người con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù, hai cháu D và N đều có nguyện vọng được sống với mẹ, cháu T thì đang sống với ba, cháu Y thì hiện còn rất nhỏ (khoảng 05 tuổi), nhưng bà H và ông T đều cùng có nguyện vọng là được nuôi 04 con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của các cháu đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà H và ông T mỗi người được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp, cụ thể: Giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Dương Thị Hồng N, sinh ngày 19/4/2010 và Dương Hồng Y, sinh ngày 04/12/2015; Giao cho ông T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Dương Hồng D, sinh ngày 02/8/2003 và Dương Hồng T, sinh ngày 17/9/2008, là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

**3.3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Bà H, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi những người con mà họ được giao, nên Hội đồng xét xử không buộc bà H, ông T cấp dưỡng nuôi những người con mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng.

**3.4. Về tài sản chung, nợ chung:** Đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về án phí:** Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51 và Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Minh H được ly hôn ông Dương Hồng T.
2. Về nuôi con chung: - Giao 02 người con chung tên: Dương Thị Hồng N, sinh ngày 19/4/2010, giới tính nữ và Dương Hồng Y, sinh ngày 04/12/2015, giới tính nữ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng,  
- Giao 02 người con chung tên Dương Hồng D, sinh ngày 02/8/2003, giới tính nữ và Dương Hồng T, sinh ngày 17/9/2008, giới tính nam cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.  
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H, ông T không phải cấp dưỡng nuôi những người con mà họ không trực tiếp nuôi dưỡng.
4. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0022786 ngày 27/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà H đã nộp đủ án phí.
5. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.  
Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND xã. Tân Bình;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Vũ Toàn**